

第16課

1. Nối câu với nhiều động từ, tính từ
2. てから V
3. N1はN2がA
4. Dùng trợ từ đối với phương tiện giao thông và địa điểm N
5. どうやって
6. どれ・どの



1

NỐI ĐỘNG TỪ TRONG CÂU

～ V_1 て、 V_2 て、 V_3 ます ～

Ý nghĩa: diễn tả, liệt kê hành động diễn ra liên tiếp

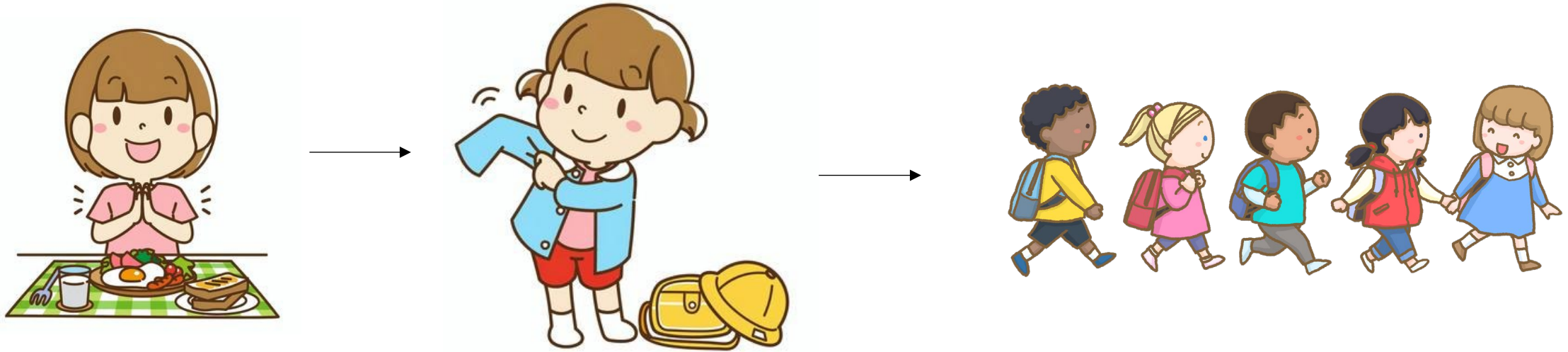


6:00



まいあさ、6 じにおきて、はをみがいて、あさごはんをたべます。

Mỗi sáng tôi dậy lúc 6h, đánh răng và ăn cơm sáng.



あさごはんをたべて、ふくをきて、がっこうにいきます。

Tôi ăn cơm, mặc quần áo và đi học.

NỐI TÍNH TỪ

N **は** A1 **て、** A2 **です**

N **thì** A1 **và** A2

A**い** → A**くて**

❖ **いい** → **よくて**

おおきい

ちいさい

あつい

さむい

→ おおき**くて**

→ ちいさ**くて**

→ あつ**くて**

→ さむ**くて**

A**な** → A**で**

N → N**で**

きれい

しんせつ

がくせい

アメリカじん

→ きれい**で**

→ しんせつ**で**

→ がくせい**で**

→ アメリカじん**で**



Son Tung は ゆうめいで ハンサム
なひとです。

Son Tung は わか くて、 かしこ くて、
おかねもちです。

Hãy miêu tả con người, thành phố, đồ vật, sự kiện...



2

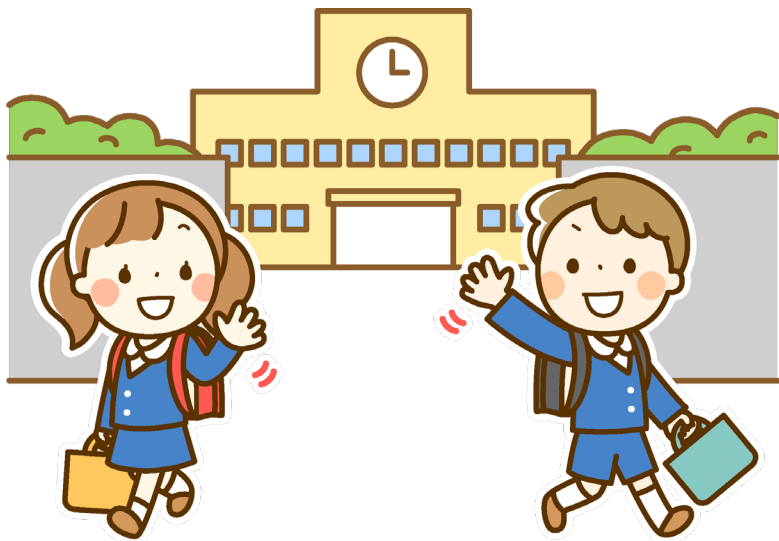
～ V₁ **てから**、 V₂ます
Sau khi V1 thì V2

Ý nghĩa: sau khi xảy ra hành động V1 thì xảy ra hành động V2



ごはんをたべてからがっこうにいきます

Sau khi ăn cơm tôi sẽ đi học



がっこう **が** おわって **から** ともだち **と** およぎ **に** いきます
Đi học về tôi đi bơi với bạn

3

N₁ は N₂ が Aです

N1 thì có N2... A

Ý nghĩa: chủ ngữ N1 có đặc điểm N2 mang tính chất của tính từ A



ダックラックはぞうがおいしいです。

Đắk Lắk có nhiều voi

ダックラックはコーヒーがゆうめいです。

Đắk Lắk nổi tiếng về cà phê

- ④ Hành động **rời khỏi**, **xuống**, **lên**, hoặc **chuyển từ** một **phương tiện giao thông (ptgt)** này sang một **ptgt** khác, sẽ sử dụng giới từ theo nguyên tắc dưới đây :

N ptgt を できます/おります

N ptgt に のります

N 1 から N2 に のりかえます





とうきょうえき**に**でんしゃ**を**おりました。

おおさかえき**で**でんしゃ**に**のります。

バス**から**でんしゃ**に**のりかえます。

Nđđ (địa điểm) を でます

Nđđ に おります

Nđđ で Npt (phương tiện) を のりかえます/のります



とうきよえき を でます。

おおさかえき に おります。

ならえき で でんしゃ を のります/

のりかえます。



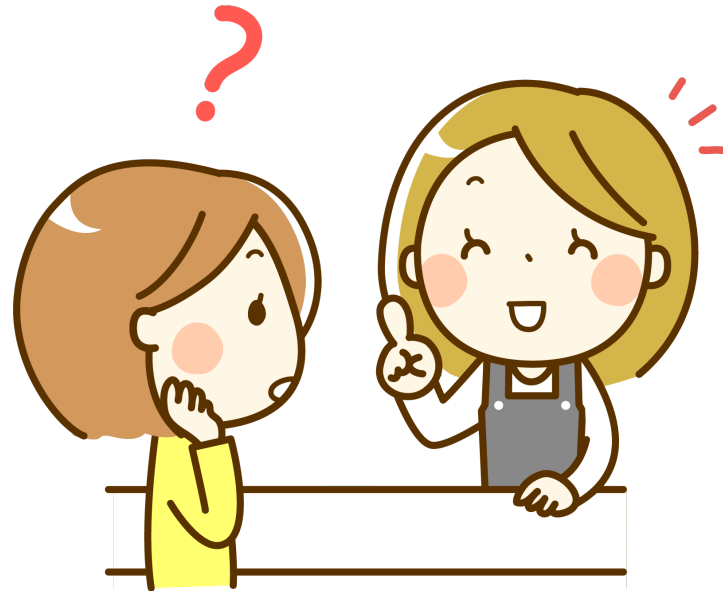
7じ に いえ を でます。

5

どうやって～V ますか
Làm V như thế nào?

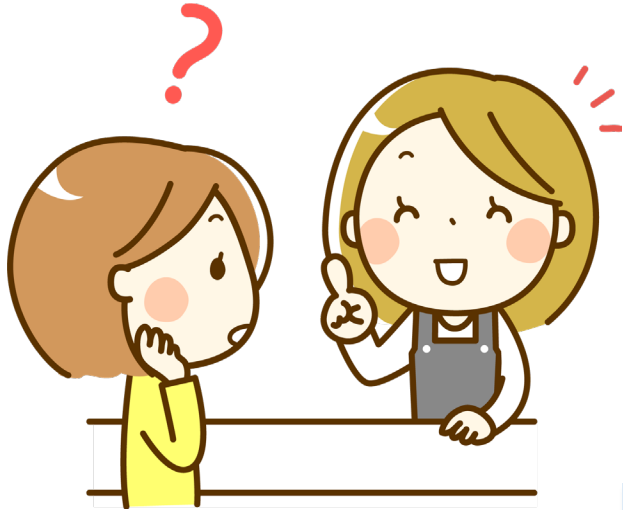
Ý nghĩa: hỏi về cách thức, phương thức để làm một hành động V nào đó.

ぎんこうまでどうやっていきますか



そのしんごをみぎへまがって、まっすぐ行って
ひだりにありますよ。

どうやっておかねをいれますか。

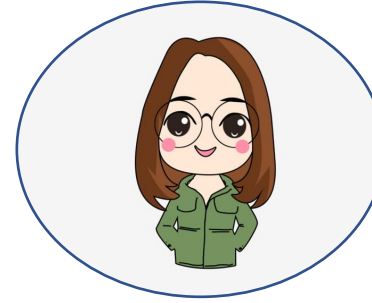


このぼたんをおしていれます。

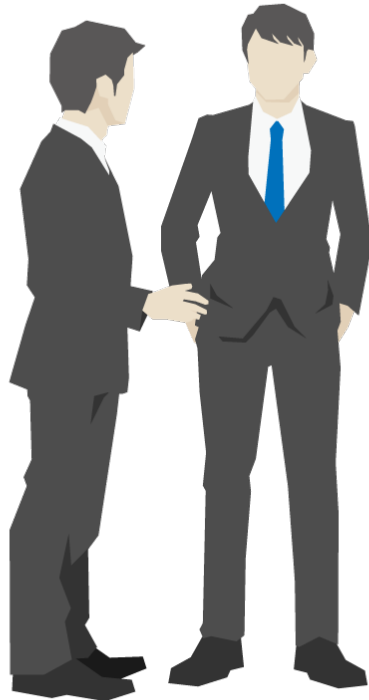
6

どれ・どの **N** ですか
N nào vậy?

Ý nghĩa: Xác định đối tượng **N** là ai, cái nào?

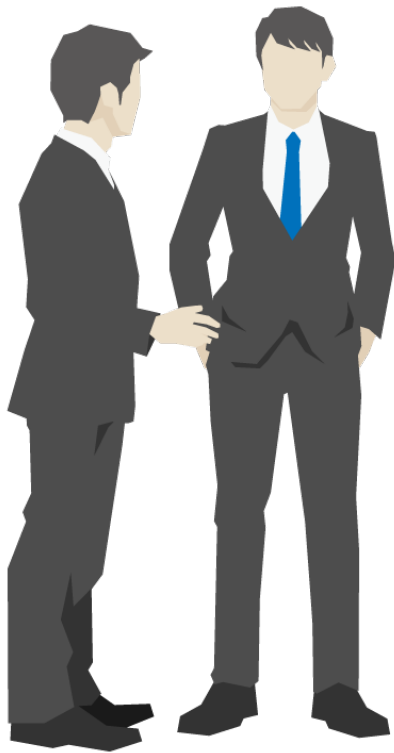


きむらさんはどのひとですか



かみがみじかくて、めがね
をかけています。

やまださんの**の**かさ**は**どれですか。



あおいかさです。

